

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2019

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Bà Trần Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2019/QĐ-HPT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thu T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đ.

Tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt – đã triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thu T trình bày: Chị và anh Lê Minh Đ có tìm hiểu nhau 04 tháng, sau đó chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ. Thời gian đầu sống chung vợ chồng có hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu nên chị và anh Đ có cãi vã nhau, đến tháng 8 năm 2018 thì chị và anh Đ ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 02 con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 07/9/2010 và Lê Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017. Từ khi ly thân với anh Đ,

con chung là Minh Đ do chị nuôi dưỡng còn Minh P do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh Lê Minh Đ. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh Đ và đồng ý giao con chung tên Minh P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Lê Minh Đ là bị đơn trình bày: Anh thống nhất điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì anh có xin được nuôi con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 07/9/2010 và đồng ý giao con chung tên Lê Minh Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại văn bản ngày 15/7/2019, con chung của chị T và anh Đ là Lê Minh P có nguyện vọng sống với anh Đ khi chị T và anh Đ ly hôn với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T và anh Đ không thỏa thuận được việc giải quyết nội dung vụ án nên hòa giải đoàn tụ không thành.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, xin được tiếp tục nuôi con chung tên Minh Đ và đồng ý giao con chung tên Minh P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi chung tên Minh P và đồng ý giao con chung tên Minh Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Lâm Thu T xin ly hôn với anh Lê Minh Đ là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Anh Lê Minh Đ là bị đơn có địa chỉ tạm trú tại ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Anh Lê Minh Đ vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị Lâm Thu T với anh Lê Minh Đ kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Chị Lâm Thu T cho rằng nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Đ là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì chị và anh Đ thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu. Hơn nữa chị và anh Đ đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 nên tình cảm của chị đối với anh Đ không còn nữa.

Đối với anh Lê Minh Đ có lời trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã hòa giải thuyết phục để chị T và anh Đ đoàn tụ nhưng chị T cương quyết xin ly hôn vì xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nữa, ngược lại từ khi ly thân cho đến nay anh Đ cũng không có biện pháp hàn gắn với chị T, điều đó chứng tỏ rằng anh Đ cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị T. Vì vậy, chị T xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về con chung: Xét thấy con chung của chị T và anh Đ tên Lê Minh P, sinh ngày 07/9/2010 có nguyện vọng sống với anh Đ khi chị T và anh Đ ly hôn nhau, đối với con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017 hiện nay do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T xác định từ khi chị T và anh Đ ly thân nhau cho đến nay, chị T vẫn chăm sóc và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Minh Đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Lê Minh P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Minh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T và anh Đ không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ đều xác định không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thu T phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thu T về việc xin ly hôn với anh Lê Minh Đ. Chị Lâm Thu T được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

2. Con chung: Chị Lâm Thu T được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017 (do chị T đang nuôi dưỡng) và anh Lê Minh Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 07/9/2010 (do anh Đ đang nuôi dưỡng). Chị T và anh Đ không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Buộc chị Lâm Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004425 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, chị T không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An

